

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **66/2022/KDTM-ST**

Ngày 24/6/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thụy

2. Bà Phạm Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLST- KDTM ngày 15/4/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2022/QĐXX-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2022/QĐST - KDTM ngày 30/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Xuất- Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh Sở Giao dịch (Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Vũ Quốc Minh –Phó giám đốc Agribank chi nhánh Sở giao dịch

Ông Phan Vũ- Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp.

(Quyết định ủy quyền số 376/QĐ-NHN0.SGD –KSNB ngày 13/7/2021).

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu T

Địa chỉ trụ sở chính: Số 212/1 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh tại Hà Nội: Số 66 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Vũ Quý- Tổng Giám đốc.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2021 của nguyên đơn là Ngân hàng N và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N trình bày:

Căn cứ Điều 12 Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-201000593 ngày 04/5/2010 và Điều 13 Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.01054/HĐTD ngày 24/8/2010 thì trong trường hợp không thương lượng, giải quyết được thì mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc có liên quan tới hợp đồng sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nơi Bên A đóng trụ sở.

Vì vậy Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình là Tòa án nơi Ngân hàng có trụ sở giải quyết tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 04 và 05/5/2010 chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II tại Hà Nội và Ngân hàng Agribank có ký kết Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng số 1200-LAV-2010.00593/HĐTD. Theo đó, số tiền cho vay 39.846.960.000 đồng (tương đương 1,728,000.00 đô la Mỹ quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm 31/01/2021, 1USD = 23.070 VNĐ) thời hạn cho vay 03 tháng, mục đích vay để mua hàng hóa, lãi suất cho vay 7,5%/năm, lãi suất quá hạn 110% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày 24/08/2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II tại Hà Nội và Ngân hàng Agribank có ký kết Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng số 1200-LAV-2010.001054/HĐTD. Theo đó, số tiền cho vay 15.030.771.750 đồng, thời hạn cho vay 5 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua hàng hóa, lãi suất cho vay 14%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II tại Hà Nội không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng trên; Sở giao dịch đã nhiều lần đôn đốc trả nợ, nhưng đến nay chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II không thực hiện.

Cả hai hợp đồng trên được đảm bảo bằng giấy ủy quyền và cam kết trả nợ thay số 10/QĐ-UQ ngày 28/01/2010 của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II.

Theo nội dung các hợp đồng tín dụng đã ký, Agribank chi nhánh Sở giao dịch đã tiến hành giải ngân cho Chi nhánh Công ty Tổng hợp II số tiền gốc là 54.895.731.750 đồng.

Quá trình quan hệ tín dụng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II tại Hà Nội:

Theo nội dung các Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng Agribank tiến hành giải ngân cho Chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tại Hà Nội số tiền gốc là: 54.895.731.750 đồng.

Trong quá trình quan hệ tín dụng theo hợp đồng tín dụng trên, phía chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II tại Hà Nội đã tiến hành trả nợ đúng hạn số tiền là 901.348 USD (trong đó: Tiền gốc 860.200 USD và lãi 41.148USD) cho hợp đồng 1200-LAV-2010.00593/HĐTD đến ngày 05/4/2011 và số tiền trả gốc quá hạn 1.614.791.345 đồng (trong đó: Gốc 1.614.791.345 đồng và lãi 0 đồng) cho hợp đồng 1200-LAV-2010.01054/HĐTD đến ngày 18/01/2017.

Tuy nhiên, chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Ttại Hà Nội không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng trên; Sở giao dịch đã nhiều lần đơn đốc trả nợ nhưng đến nay Chi nhánh Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II tại Hà Nội và Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II không thực hiện.

Như vậy, tạm tính đến ngày 24/06/2022 tổng số tiền mà Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Ttại Hà Nội phải trả cho Agribank là 50.077.336.573,4 đồng. Cụ thể:

Theo hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.00593/HĐTD ngày 04/5/2010:
Nợ gốc: 867,800 USD (tương đương 20.289.164.000 đồng, theo tỷ giá ngày 24/6/2022 thì 1USD = 23.380 VNĐ/USD).

Nợ lãi: 313.499,38 USD (tương đương 7.329.615.504,4đồng).
Cộng gốc và lãi: 1.181.299,38 USD (tương đương 27.618.779.504,4 đồng).

Theo hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.01054/HĐTD ngày 24/08/2010:

Nợ gốc: 13.415.920.405 đồng.

Nợ lãi : 9.042.636.664 đồng.

Cộng gốc và lãi là: 22.458.557.069 đồng.

Tổng cộng nợ của hai hợp đồng: 50.077.336.573,4 đồng

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp II thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2022 là: 50.077.336.573,4 đồng.

Công ty còn phải trả toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 24/6/2022 theo quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng cho đến ngày Công ty thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

Về phía Bị đơn Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp II: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án nên không có lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng trình bày:

Ngày 23/5/2007, Ngân hàng N đã ban hành Quy định số 1406/NHNo-TD về tiêu chí phân loại khách hàng trong hệ thống Ngân hàng N. Tại điểm 3.1 mục 3 của Quy định này có nội dung như sau:

“Khách hàng loại A:

Được xem xét áp dụng cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản hoặc áp dụng mức lãi suất cho vay, phí dịch vụ ưu đãi theo quy định của NHNo Việt Nam.”

Đến năm 2010 trong quá trình thẩm định hồ sơ vay vốn của khách hàng, ngày 28/4/2010 Ngân hàng đã có Phiếu xếp loại khách hàng vay vốn đối với Công ty và Công ty được Ngân hàng xếp loại khách hàng loại A. Căn cứ vào Quy định số 1406/NHNo-TD ngày 23/5/2007 của Agribank thì Công ty hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện được Ngân hàng áp dụng cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ được các bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật. Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Công ty phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, Ngân hàng không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền:

Ngân hàng N có trụ sở tại số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và Chi nhánh Sở giao dịch có địa chỉ số 02 và 04 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.0059 ngày 04/5/2010 và Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.01054/HĐTD ngày 24/8/2010 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Thai bên có thỏa thuận: *“Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trong trường hợp không thương lượng, giải quyết được thì mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc có liên quan tới hợp đồng sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nơi Bên A đóng trụ sở”*.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự:

Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp II nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nhiều lần không có lý do. Như vậy, việc vắng mặt của bị đơn được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, nhận thấy:

Ngày 04/5/2010 Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp II (sau đây gọi là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.00593, cấp hạn mức tín dụng là 1,728,000 USD (một triệu bảy trăm hai tám ngàn đô la Mỹ).

Ngày 24/8/2010 Ngân hàng và Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.01054/HĐTD cấp hạn mức tín dụng là 15.030.771.750 đồng.

Trên cơ sở các hợp đồng tín dụng nói trên Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty với số tiền 1,728,000 USD và 15.030.771.750 đồng. Công ty đã trả được một phần nợ gốc và lãi.

Từ năm 2011 đến năm 2016 hai bên đã ký nhiều biên bản làm việc và Công ty đã xác nhận còn nợ Ngân hàng số nợ gốc: 867.800USD và 13.415.920.405

đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/6/2022 với số tiền 50.077.336.573,4 đồng. Cụ thể:

Theo hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.00593/HĐTD ngày 04/5/2010:

Nợ gốc: 867,800 USD (tương đương 20.289.164.000 đồng, theo tỷ giá ngày 24/6/2022 thì 1USD = 23.380 VNĐ/USD).

Nợ lãi: 313.499,38 USD (tương đương 7.329.615.504,4đồng).

Cộng gốc và lãi: 1.181.299,38 USD (tương đương 27.618.779.504,4 đồng).

Theo hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.01054/HĐTD ngày 24/08/2010:

Nợ gốc: 13.415.920.405 đồng.

Nợ lãi : 9.042.636.664 đồng.

Cộng gốc và lãi là: 22.458.557.069 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi của hai hợp đồng là 50.077.336.573,4 đồng.

Xét thấy, Công ty không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở chấp nhận.

Buộc Công ty phải trả Ngân hàng số tiền gốc, lãi nêu trên tạm tính đến ngày 24/6/2022 là 50.077.336.573,4 đồng.

Công ty phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo qui định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2022 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng trình bày do Công ty là khách hàng loại A theo quy định số 1406/NHNN- TD ngày 23/05/2007 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam thì Công ty được xem xét áp dụng cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.

[4]. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí:

Công ty phải chịu án phí sơ thẩm là: 158.077.337đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí, được nhận lại 85.042.766 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0067024 ngày 06/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp II về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp II phải trả nợ cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24 tháng 6 năm 2022 tổng cộng là: 50.077.336.573,4 đồng, trong đó:

Theo hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.00593/HĐTD ngày 04/5/2010:

Nợ gốc: 867,800 USD (tương đương 20.289.164.000 đồng)

Nợ lãi: 313.499,38 USD (tương đương 7.329.615.504,4 đồng).

Cộng gốc và lãi: 1.181.299,38 USD (tương đương 27.618.779.504,4 đồng).

Theo hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-2010.01054/HĐTD ngày 24/08/2010:

Nợ gốc: 13.415.920.405 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 9.042.636.664 đồng.

Cộng gốc và lãi là: 22.458.557.069 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp II còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Cổ phần xuất nhập khẩu Tphải chịu án phí sơ thẩm là: 158.077.337đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí, được nhận lại 85.042.766 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0067024 ngày 06/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Lưu hồ sơ; V.phòng.*

(Đã ký)